

QUY ĐỊNH

Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) đối với các dự án được tổ chức thực hiện theo cơ chế đặc thù có kỹ thuật không phức tạp, tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2021-2025.

2. Đối tượng áp dụng: Các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp có đủ năng lực quản lý, tổ chức thi công đối với dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, có kỹ thuật không phức tạp và tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng.

2. Nhà nước hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ vốn bằng hiện vật hoặc bằng tiền theo tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho những dự án giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3. Giá trị của hiện vật phải được quy đổi ra thành giá trị tiền mặt làm cơ sở để tổng hợp vào chi phí đầu tư xây dựng công trình.

4. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các dự án đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định về quản lý đầu tư công và ngân sách nhà nước của pháp luật hiện hành và theo nội dung hướng dẫn tại Quy định này.

5. Các dự án được tổ chức thực hiện theo cơ chế đặc thù giao cho cộng

đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó có sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước thì phân vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo Quy định này.

6. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương và các cơ quan có liên quan trong quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguồn vốn hỗ trợ

1. Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước được phân bổ cho các dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 - 2025.

2. Nguồn vốn hợp pháp khác của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia khuyến khích áp dụng Quy định này.

Điều 4. Hình thức hỗ trợ

Trên cơ sở mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tùy theo điều kiện thực tế và khả năng huy động nguồn lực cụ thể của địa phương để triển khai thực hiện dự án trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hình thức hỗ trợ cho phù hợp, đảm bảo sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình, theo các hình thức sau:

1. Hỗ trợ bằng tiền: Trên cơ sở quyết định phê duyệt đầu tư dự án và kế hoạch giao vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ban quản lý xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ban quản lý xã) thực hiện giải ngân nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ qua Kho bạc nhà nước cho Ban phát triển thôn để tổ chức thực hiện thi công xây dựng công trình.

2. Hỗ trợ bằng hiện vật: Trên cơ sở quyết định phê duyệt đầu tư dự án và kế hoạch giao vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ban quản lý xã có trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu cung ứng hiện vật, ký kết hợp đồng, tổ chức nghiệm thu và thanh toán, quyết toán cho đơn vị cung ứng hiện vật theo đúng các quy định hiện hành; Đơn vị cung ứng tổ chức vận chuyển hiện vật đến chân công trình hoặc địa điểm thuận lợi nhất theo thỏa thuận trong hợp đồng để giao cho Ban phát triển thôn tổ chức thực hiện thi công xây dựng công trình.

3. Kết hợp hai hình thức trên: Tùy theo điều kiện cụ thể của từng dự án, từng địa phương quyết định kết hợp các hình thức hỗ trợ trên.

Chương II

THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Điều 5. Mở tài khoản, cấp mã số

Sau khi có Quyết định phê duyệt đầu tư dự án, Ban quản lý xã làm thủ tục đăng ký mở mã số đơn vị quan hệ ngân sách (mã dự án) gửi về Sở Tài chính qua Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh để cấp Giấy chứng nhận mã số đơn vị quan hệ ngân sách (mã dự án) điện tử cho đơn vị, đồng thời mở tài khoản giao dịch tại Kho bạc nhà nước các huyện, thị xã và thành phố Huế (nếu chưa có).

Điều 6. Công tác kiểm soát, thanh toán

1. Hồ sơ pháp lý bao gồm:

a) Kế hoạch đầu tư hàng năm được cấp có thẩm quyền giao (*bản chính hoặc sao y bản chính*).

b) Quyết định phân bổ vốn hỗ trợ hiện vật của cấp có thẩm quyền (trong trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật) (*bản chính hoặc sao y bản chính*).

c) Quyết định phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản (*bản chính hoặc sao y bản chính*).

d) Quyết định của Ủy ban nhân dân xã về việc thực hiện cơ chế giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện xây dựng công trình (*bản chính hoặc sao y bản chính*).

đ) Hợp đồng thực hiện dự án được ký kết giữa Ban quản lý xã và Ban phát triển thôn (*bản chính*).

2. Hồ sơ tạm ứng vốn bao gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán vốn (*Mẫu số 04.a/TT Phụ lục kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công*).

b) Chứng từ chuyển tiền (*Mẫu số 05/TT Phụ lục kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ*).

c) Trong trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật, hồ sơ ngoài quy định tại điểm a, b khoản này gồm: Quyết định lựa chọn đơn vị cung ứng trong trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật; Hợp đồng cung ứng hiện vật giữa Ban quản lý xã và các đơn vị cung ứng.

3. Hồ sơ thanh toán bao gồm:

a) Giấy đề nghị thanh toán vốn (*Mẫu số 04.a/TT Phụ lục kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ*).

b) Chứng từ chuyển tiền (*Mẫu số 05/TT Phụ lục kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ*).

c) Giấy đề nghị thu hồi vốn tạm ứng (*đối với trường hợp thu hồi tạm ứng, Mẫu số 04.b/TT Phụ lục kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ*).

d) Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (*Mẫu số 03.a/TT Phụ lục kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ*); Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu trong trường hợp có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu (*Mẫu số 03.c/TT Phụ lục kèm theo Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ*).

đ) Trong trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật, hồ sơ ngoài quy định tại điểm a, b, c, d khoản này gồm: Quyết định lựa chọn đơn vị cung ứng hiện vật; Hợp đồng, thanh lý hợp đồng giữa Chủ đầu tư và các đơn vị cung ứng.

4. Đối với hình thức hỗ trợ bằng tiền, Ban quản lý xã chuyển trả tiền trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của người đại diện cộng đồng thực hiện thi công xây dựng công trình; Đối với hình thức hỗ trợ bằng hiện vật, Ban quản lý xã chuyển trả tiền trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản cho các đơn vị cung ứng.

Chương III **QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ**

Điều 7. Quyết toán theo niên độ

Kết thúc năm ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư theo niên độ gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định theo quy định tại: Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định thời hạn gửi báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công định kỳ, báo cáo và thẩm định quyết toán vốn đầu tư công thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm, quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Điều 8. Quyết toán dự án hoàn thành

1. Khi dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, chậm nhất sau 04 tháng Chủ đầu tư phải lập xong báo cáo quyết toán vốn đầu tư trình cấp có thẩm

quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Thành phần hồ sơ quyết toán gồm có:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt quyết toán của Chủ đầu tư (*bản chính*). Nội dung tờ trình nêu rõ việc thực hiện kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, điều tra đối với dự án và việc chấp hành của Chủ đầu tư đối với kiến nghị của các cơ quan trên.

b) Biểu mẫu báo cáo quyết toán gồm: Biểu mẫu số 01/QTDA ban hành kèm theo Quyết định này và Biểu mẫu số 03/QTDA ban hành kèm theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán (*bản chính*).

c) Các văn bản pháp lý có liên quan gồm: Quyết định phê duyệt đầu tư dự án và các văn bản điều chỉnh, bổ sung (nếu có); Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thực hiện cơ chế giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện xây dựng công trình; Quyết định lựa chọn đơn vị cung ứng hiện vật; Các văn bản pháp lý khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án/gói thầu (*bản chính hoặc do Chủ đầu tư sao y bản chính*).

d) Hợp đồng, thanh lý hợp đồng (trường hợp đủ điều kiện thanh lý hợp đồng) thực hiện dự án/gói thầu được ký kết giữa Ban quản lý xã và Ban phát triển thôn (*Bản chính*);

đ) Hợp đồng, thanh lý hợp đồng (trường hợp đủ điều kiện thanh lý hợp đồng) giữa Chủ đầu tư với các đơn vị cung ứng hiện vật; Biên bản giao nhận hiện vật, hóa đơn mua hàng trong trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật (*bản chính hoặc do Chủ đầu tư sao y bản chính*).

e) Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành theo giai đoạn thanh toán; Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành toàn bộ hợp đồng; Biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào sử dụng (*bản chính*);

g) Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng giữa Ban quản lý xã (bên A) và Ban phát triển thôn (bên B) (*bản chính*);

h) Bảng tổng hợp quyết toán nguồn vốn huy động khác và các tài liệu, chứng từ chứng minh kèm theo (nếu có);

i) Kết quả kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm của các cơ quan Kiểm toán nhà nước, thanh tra, kiểm tra, kết quả điều tra của cơ quan pháp luật (nếu có);

k) Trong quá trình thẩm tra, khi cơ quan thẩm tra có văn bản yêu cầu, chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung các tài liệu có liên quan đến công trình, dự án để phục vụ công tác thẩm tra quyết toán.

2. Các nội dung khác liên quan đến vấn đề quyết toán như nội dung thẩm tra, định mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, chế độ báo cáo và kiểm tra

được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Các sở, ngành:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu phân bổ nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các địa phương; kiểm tra, hướng dẫn việc triển khai thực hiện các công trình và hiệu quả sử dụng vốn đảm bảo đúng mục tiêu đề ra.

b) Sở Tài chính: Phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn vốn và công tác thanh quyết toán xây dựng các công trình có nguồn vốn hỗ trợ thuộc quy định này đảm bảo theo các quy định hiện hành.

c) Kho bạc Nhà nước các cấp: Tổ chức kiểm soát thanh toán theo quy định, bảo đảm thuận lợi cho các chủ đầu tư trong quá trình thanh toán vốn và triển khai thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế

a) Trên cơ sở nguồn vốn được giao, kịp thời phân bổ cho cấp xã chủ động triển khai các công trình thực hiện theo quy định tại Quy định này.

b) Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn hướng dẫn, hỗ trợ nhân dân tổ chức triển khai xây dựng công trình theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn.

c) Tổng hợp kết quả thực hiện; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn việc thực hiện tại cấp xã.

d) Tổ chức thẩm định hồ sơ xây dựng công trình và thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ năng lực thẩm định.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Công khai, tuyên truyền về cơ chế hỗ trợ, động viên nhân dân tham gia thực hiện xây dựng công trình; cử cán bộ chuyên môn hướng dẫn các thôn, bản tổ chức triển khai đảm bảo đúng quy định.

b) Tổ chức thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình đơn giản; Thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn hoàn. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không đủ năng lực thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình, thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình và thẩm tra quyết toán các công trình hoàn thành.

c) Chỉ đạo bộ phận liên quan tổ chức xây dựng các công trình theo Quy định này. Trong quá trình triển khai thực hiện, có các vấn đề phát sinh kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp trên để được xem xét điều chỉnh cho phù hợp, đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện về việc quản lý sử dụng nguồn vốn hỗ trợ đảm bảo hiệu quả và đúng quy định.

4. Ban quản lý xã: Ban quản lý xã trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản tại cơ quan Kho bạc Nhà nước và sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân xã trong hoạt động giao dịch với các tổ chức và cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật; quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; ký hợp đồng với Ban phát triển thôn để tổ chức thi công công trình, giám sát trong quá trình thi công, tổ chức nghiệm thu công trình; tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức huy động sự đóng góp của nhân dân để thi công công trình. Tổng hợp theo dõi chi tiết các khoản nhân dân đóng góp xây dựng công trình; Lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành; Xây dựng kế hoạch bảo trì công trình xây dựng.

5. Ban phát triển thôn: Lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định và phê duyệt. Trường hợp gặp khó khăn trong lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản, Ban phát triển thôn có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã cử cán bộ chuyên môn hỗ trợ lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản; Tổ chức thi công công trình, phối hợp với Ban quản lý xã và thực hiện giám sát và nghiệm thu công trình; Trực tiếp quản lý vận hành khai thác công trình xây dựng.

6. Trường hợp có khó khăn vướng mắc trong triển khai thực hiện, đề nghị các tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.